



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LƯU
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
Thời gian ký: 16/10/2026 14:16:19

BIỂU TỔNG HỢP

Điều chỉnh, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Xây dựng cơ sở vật chất trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông huyện Tam Đường

(Kèm theo Quyết định số: 1007 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Bình Lư)

STT	Tên chủ hộ và danh mục bồi thường, hỗ trợ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Tổng mức bồi thường, hỗ trợ (làm tròn)					985.833.852
	Trong đó:					
I	Chi trả cho chủ sử dụng đất, tài sản trên đất (làm tròn)					801.468.009
-	Bồi thường về đất					96.339.600
-	Bồi thường về tài sản, vật kiến trúc					282.131.847,6
-	Bồi thường về cây cối, hoa màu, vật nuôi					117.758.361,8
-	Chính sách hỗ trợ					305.238.200
II	Chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					184.365.843
B	Chi tiết chi trả cho chủ sử dụng đất, tài sản trên đất					
2	Hộ ông (bà): Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm)					
-	Địa chỉ: Bản Sân Bay, xã Bình Lư, Tỉnh Lai Châu					
-	Số CCCD: 012 166 000 533					
-	Số điện thoại: 0352 002 534					

	Nguồn gốc đất: *. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi: 336,7m2, loại đất: trồng cây hàng năm khác, đất Nuôi trồng thủy sản, chủ sử dụng: Hộ ông(bà): Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm) - Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích thu hồi đang thuộc một phần diện tích các thửa đất sau: + Thửa đất số 246, tờ bản đồ số 46, diện tích 83,7m2, loại đất trồng lúa 1 vụ, được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ ông Sý Văn Nòi (bản Mường Cầu) tại GCNQSDĐ số cấp sổ ngày cấp 00808 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998, hiện tại hộ bà: Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm) đang sử dụng + Thửa đất số 245, tờ bản đồ số 46, diện tích 253,0m2, loại đất trồng cây hàng năm khác, được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ bà Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm) tại GCNQSDĐ số cấp sổ 00892 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998 *. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi 29,4m2, loại đất: Ở tại đô thị, chủ sử dụng: hộ bà: Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm): - Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích thu hồi đang thuộc một phần diện tích thửa đất sau: - + Thửa đất số 245, tờ bản đồ số 46, diện tích 29,4m2, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK), được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ bà Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm) tại GCNQSDĐ số cấp sổ 00892 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998 *. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi 371,8m2, loại đất: trồng lúa 1 vụ, chủ sử dụng: Hộ ông(bà): Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm): - Theo hồ sơ địa chính: . Phần diện tích thu hồi đang thuộc một phần diện tích thửa đất sau: + Thửa đất số 250, tờ bản đồ số 46, diện tích 48m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK); Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 46, diện tích 59,6m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK); Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 46, diện tích 80,1m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK); Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 46, diện tích 94,7m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK); Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 46, diện tích 38,4m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK), được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ bà Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm) tại GCNQSDĐ GCNQSDĐ số cấp sổ 00892 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998 + Phần diện tích 34m2, loại đất Mương; 17m2, loại đất chưa sử dụng (DCS) chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, hiện tại do gia đình bà Lò Thị Lân (chồng là Nùng Văn Dăm) sử dụng.	
--	--	--

	*. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi 143,9m2, loại đất: trồng lúa 1 vụ, chủ sử dụng: Hộ ông(bà): Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm): - Theo hồ sơ địa chính: +) Phần diện tích thu hồi đang thuộc một phần diện tích thửa đất sau: Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 46, diện tích 15,5m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK); Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 46, diện tích 128,4m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK), được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) tại GCNQSDĐ số cấp sổ 00892 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998 *. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi 16,5m2, loại đất: trồng cây hàng năm khác, chủ sử dụng: hộ bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) - Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích 16,5m2, loại đất chưa sử dụng (DCS) chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, hiện tại do gia đình bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) sử dụng. *. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi 166,2m2, loại đất: trồng lúa 1 vụ, chủ sử dụng: bà Lò Thị Dưng - Theo hồ sơ địa chính: +) Phần diện tích thu hồi đang thuộc một phần diện tích thửa đất sau: Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 46, diện tích 157,5m2, loại đất trồng lúa 1 vụ (LUK), được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) tại GCNQSDĐ số cấp sổ 00892 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998 +) Phần diện tích 8,7m2, loại đất DCS, chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, hiện tại do bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) sử dụng.				
	*. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 143, diện tích 40,1m2, loại đất BCS, quy chủ: UBND Thị trấn Tam Đường - Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích thu hồi 40,1m2 đang thuộc một phần diện tích Thửa đất số 245, tờ bản đồ số 46, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK), được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) tại GCNQSDĐ số cấp sổ 00892 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998				
	*. Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi 173,3m2m2, loại đất: Đất bằng chưa sử dụng (BCS), chủ sử dụng: bà: UBND Thị trấn Tam Đường *. Theo hồ sơ địa chính: + Phần diện tích 71,9m2, thuộc Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 46 (471-510-2-D), loại đất trồng lúa còn lại (LUK), được UBND huyện Phong Thổ cấp cho hộ bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) tại GCNQSDĐ số cấp sổ 00892 QSDĐ/1998/QĐ-UB/H-UBND ngày 30/12/1998 + Phần diện tích 101,4m2, chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, hiện tại do bà Lò Thị Lên (chồng là Nùng Văn Dăm) sử dụng				
-	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (=a+b+c+d)				448.598.156
a	Bồi thường về đất			1.277,9	50.119.200

	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1)	Thửa 87 tờ BĐ 143	m2	253,0	38.000	9.614.000
	Đất trồng lúa 1 vụ (VT1)		m2	83,7	40.000	3.348.000
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1)	Thửa 88 tờ BĐ 143	m2	29,4	38.000	1.117.200
	Đất trồng lúa 1 vụ (VT1)	Thửa 90 tờ BĐ 143	m2	320,8	40.000	12.832.000
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1)		m2	51,0	38.000	1.938.000
	Đất trồng lúa 1 vụ (VT1)	Thửa 91 tờ BĐ 143	m2	143,9	40.000	5.756.000
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1)	Thửa 96 tờ BĐ 143	m2	16,5	38.000	627.000
	Đất trồng lúa 1 vụ (VT1)	Thửa 92 tờ BĐ 143	m2	157,5	40.000	6.300.000
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1)		m2	8,7	38.000	330.600
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1)	Thửa 110 tờ BĐ 143	m2	40,1	38.000	1.523.800
	Đất trồng lúa 1 vụ (VT1)	Thửa 111 tờ bản đồ 144	m2	73,6	40.000	2.944.000
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1)		m2	99,7	38.000	3.788.600
b	Bồi thường về tài sản, vật kiến trúc					189.130.859
	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm của xã Bình Lư bồi thường bằng 50% đơn giá theo điểm c khoản 6 Điều 17 Quyết định 34/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu					
	Ao đào thủ công	(1,1*330m2)	m3	363	40.205	14.594.415
	Kè đá xếp khan (kè giữ đất giáp nương nước, giáp vườn rau)	(1,3*0,4*43,2)	m3	22,464	195.800	2.199.226
	Đào đắp đất thủ công (giáp nương nước, giáp bờ ao)	(1,3*1,4*7)	m3	12,74	113.850	725.225
	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm của xã Bình Lư bồi thường bằng 50% đơn giá theo điểm c khoản 6 Điều 17 Quyết định 34/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Tài sản trên đất(thửa số 111 tờ BĐ 143)				
	Nhà xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn lạnh, không trần, không nền bê tông đá dăm (+ đơn giá tôn chống nóng 61.400đ, -trần nhựa 123.200đ.	8,3*4,14	m ²	34,362	2.156.550	37.051.686
	Bán mái khung sắt lợp tôn	4,1*8,3	m ²	34,03	230.670	7.849.700

	Nhà tắm, nhà vệ sinh xây gạch bi tường 12 cm mái lợp PRXM nền lát gạch liên doanh (trừ đơn giá lợp PRXM 81.900)	3*4	m ²	12	1.370.820	8.224.920
	Ốp gạch chân tường nhà tắm	(5,65*1,2)+(3*1,2)	m ²	10,38	162.415	1.685.868
	Bình nóng lạnh		Cái	1	100.155	100.155
	Xí xỏm		Cái	1	166.045	166.045
	Téc nước		Cái	1	344.850	344.850
	Sân bê tông đá dăm dày 10 cm	9,2*8,1	m ²	74,52	57.640	4.295.333
	Bóc tách từ bàn bếp					
	Tấm đan BTCT (bàn bếp)	2,02*0,6*0,1	m ³	0,1212	961.290	116.508
	Ốp gạch bàn bếp	(2,02*0,6)+(0,4*2,02)+(0,6*0,7)+(0,25*1,5)	m ²	2,815	162.415	457.198
	Tường xây gạch bi tường 12 cm	5*1,5	m ²	7,5	88.055	660.413
	Mái lợp PRXM cả khung xà (quây bếp)	5*1,5	m ²	7,5	31.845	238.838
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (bếp lò)	(1,3*0,7)+(0,9*1,3)*2	m ²	3,25	88.055	286.179
	Ống HDPE Φ 25 dày 2mm(Công bố Thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 8 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu:Công văn số 4773/CB-SXD ban hành tháng 9/2026).		m	60	9.818	589.080
	Ống PPR Φ 25(Công bố Thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 8 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu:Công văn số 4773/CB-SXD ban hành tháng 9/2026).		m	15	16.691	250.365
	Ống HDPE Φ 90 dày 4,3mm(Công bố Thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 8 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu:Công văn số 4773/CB-SXD ban hành tháng 9/2026).		m	101	91.273	9.218.573
	Nhà bán mái khung sắt lợpPRXM cột Φ 90	4*2,8	m ²	11,2	184.360	2.064.832
	Mái lợp PRXM cả khung xà (mái hiên nhà tôn)	4*1,6	m ²	6,4	31.845	203.808
	Đường bê tông đá dăm dày 10cm	21*1,1	m ²	23,1	57.640	1.331.484
	Chuồng gà ghép ván gỗ mái lợp PRXM	(2*1)*2	m ²	4	185.845	743.380

	Chuồng gà ghép ván gỗ mái lợp PRXM	2,2*1,5	m ²	3,3	185.845	613.289
	Nền bê tông đá dăm dày 10 cm (bờ ao)	(1*21)*2	m ²	42	57.640	2.420.880
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (bờ ao)	(11,5*0,4)*2	m ²	9,2	88.055	810.106
	Bán mái khung sắt lợp PRXM nền láng VXM (bếp)	2,8*2,7	m ²	7,56	184.360	1.393.762
	Cọc BTCT		Cọc	5	89.650	448.250
	Tấm đan BTCT	(0,7*1*0,1)*2	m ³	0,14	961.290	134.581
	Tường xây gạch bi tường 12 cm	(0,7*8,2)+(1,5*5)	m ²	13,24	88.055	1.165.848
	Kè xây bằng đá	(1,5*0,3*33,3)	m ³	14,985	270.875	4.059.062
	Nền bê tông đá dăm dày 10 cm	0,7*12	m ²	8,4	57.640	484.176
	Tấm đan BTCT	(2*0,35*0,1)*8	m ²	0,56	961.290	538.322
	Hàng rào lưới b40 cả cột gỗ	1*21	m ²	21	69.080	1.450.680
	Bó bờ hoàn chỉnh		m	4	33.385	133.540
	Tường xây gạch bi tường 12 cm	8,3*0,5	m ²	4,15	88.055	365.428
	Tài sản bóc tách ở trong ao nuôi lươn trong thửa đất số 92) theo biên bản phúc tra ngày 7/5/2026					
	Bê tông đá Dmax 20 (chân kè bờ ao)	36,5*0,5*1	m ³	18,25	653.290	11.922.543
	Bê tông đá Dmax 20 (chân kè bờ ao)	36,5*0,3*0,7	m ³	7,665	653.290	5.007.468
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (quanh bờ ao)	(36,5*0,4)	m ²	14,6	88.055	1.285.603
	Bê tông đá Dmax 20 (kè bờ ao bị ảnh hưởng không sử dụng được)	(32*0,5*1)	m ³	16	653.290	10.452.640
	Bê tông đá Dmax 20 (chân kè bờ ao bị ảnh hưởng không sử dụng được)	32*0,3*0,7	m ³	6,72	653.290	4.390.109
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (quanh bờ ao bị ảnh hưởng không sử dụng được)	(32*0,4)	m ²	12,8	88.055	1.127.104
c	Bồi thường về cây cối, hoa màu, vật nuôi					22.761.497
	Cây mít trồng năm thứ 3		Cây	2,0	451.700 đ	903.400

	Cây xoài trồng năm thứ 3		Cây	5,0	342.000 đ	1.710.000
	Cây đào trồng năm thứ 4:	2 cây (Sản lượng 6,9 kg, chu kỳ kinh doanh còn lại 16 năm)	Kg	220,8	7.200	1.589.760
	Cây Sấu trồng năm thứ 3		Cây	6,0	451.700 đ	2.710.200
	Cây mận trồng năm thứ 3		Cây	2,0	235.100 đ	470.200
	Cây nhót	20m2*6,5 tấn/ha/năm (tính bằng các loại rau quả leo giàn)	Kg	13,0	8.400	109.200
	Cây Chanh trồng năm thứ 3		Cây	3,0	268.700 đ	806.100
	Cây Chôm Chôm trồng năm thứ 2	tính bằng đơn giá cây vai trồng năm thứ 2	Cây	1,0	130.000 đ	130.000
	Cây đu đủ	4 cây *2,5kg/cây	Kg	10,0	19.100	191.000
	Cây Vả	đương chu vi cách góc 1,3m: 63cm cao 6 m: 1 cây	m ³	0,1	950.000 đ	90.041
	Cây thông	chu vi cách gốc 1,3m: 70 cm cao 10m: 3 cây	m ³	0,6	3.600.000	2.106.216
	Cây thông	chu vi cách gốc 1,3m: 50 cm cao 10m: 2 Cây	m ³	0,2	3.600.000	716.400
	Cây chuối	16 cây*5,5kg/cây	Kg	88	9.900	871.200
	Cây ổi trồng năm thứ 3:	6 cây*7,6 kg/cây*6 năm	Kg	273,6	3.900	1.067.040
	Cây me trồng năm thứ 3		Cây	2,0	111.400 đ	222.800
	Cây lá dong	(tính bằng rau cải ăn lá) 25m2*0,8449kg/m2	kg	21,1	5.300	111.949
	Sản lượng cá tạo lập không đúng mục đích sử dụng đất (tính hỗ trợ bằng 50% đơn giá)	336m2*0,3kg/m2	kg	100,8	30.000	3.024.000
	Rau cải ăn lá	150m2*0,8449kg/m2	kg	126,7	5.300	671.696
	Cây Hồng trồng năm 3		Cây	1	157.500 đ	157.500

	Cây đào trồng năm thứ 4: 2 cây	(Sản lượng 6,9 kg,* chu kỳ kinh doanh còn lại 16 năm *2 cây)	đồng/kg	220,8	7.200	1.589.760
	Cây đu đủ	3 cây (sản lượng 2,5 kg/cây)	đồng/kg	7,5	19.100	143.250
	Chậu cây cảnh	Tính bằng đơn giá gốc hông	Chậu	14,0	4.200	58.800
	Cây xoài trồng năm thứ 4	1 cây*7,2kg/ cây*14 năm	Kg	100,8	5.800	584.640
	Sản lượng cá tạo lập không đúng mục đích sử dụng đất (tính bằng 50% đơn giá)	133*0,3kg/m2	Kg	39,9	30.000	1.197.000
	Sản cá lượng nuôi hỗn hợp tạo lập không đúng mục đích sử dụng đất (tính bằng 50% đơn giá) phần bị ảnh hưởng	19m2*0,3kg/m2	kg	6	35.000	199.500
	Sản cá lượng nuôi hỗn hợp tạo lập không đúng mục đích sử dụng đất (tính bằng 50% đơn giá) phần bị ảnh hưởng	113,89m2*0,3kg/m2	kg	34,17	35.000	1.195.845
	Cây mía		m2	10,00	13.400	134.000
d	Chính sách hỗ trợ			1.277,9		186.586.600
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi		m2	498,4	114.000	56.817.600
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi		m2	779,5	160.000	124.720.000
5	Bà: Đỗ Thị Thắm					
-	Địa chỉ: Bản Sân Bay, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu					
-	Số CCCD: 012 193 004 862					
-	Số điện thoại: 0397 317 000					

	Nguồn gốc đất: - Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi: 542,9m2 , loại đất: đất trồng cây hàng năm khác: Chủ sử dụng hộ Bà: Đỗ Thị Thắm. - Theo hồ sơ địa chính: +) Một phần diện tích thu hồi đang thuộc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 46, diện tích 507m2, loại đất trồng cây hàng năm khác, đã được được UBND huyện Tam Đường cấp tại GCNQSDĐ số phát hành CB490667 số cấp sổ CH02265 ngày cấp: 14/4/2016, chủ sử dụng Bà: Đỗ Thị Thắm. +) Một phần diện tích thu hồi 35,9m2, loại đất trồng cây hàng năm khác, chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, hiện tại do bà Đỗ Thị Thắm sử dụng.				
-	Tổng tiền bồi thường hỗ trợ (=a+b+c+d)				161.461.293
d	Chính sách hỗ trợ				5.683.000
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi		m2		0
8	Ông: Tăng Xuân Lâm				
-	Địa chỉ: Bản Na Đa, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu				
-	Số CCCD: 012 092 002 658				
-	Số điện thoại: 0987 601 028				
	Nguồn gốc đất: - Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi: 280,7m2, loại đất: đất trồng cây hàng năm khác: Chủ sử dụng ông: Tăng Xuân Lâm - Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích thu hồi đang thuộc thửa đất số 806, tờ bản đồ số 46, diện tích 230,5m2, loại đất trồng cây hàng năm khác, được UBND huyện Tam Đường cấp GCN QSDĐ tại số phát hành CB 490697, số cấp sổ CH 02266, cấp ngày 14/4/2016, chủ sử dụng ông Tăng Xuân Lâm.				
-	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ				0
9	Ông: Phạm Văn Úy				
-	Địa chỉ: Bản Mường Mớ, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu				
-	Số CCCD: 012 083 015 292				
-	Số điện thoại: 0977 061 118				

-	Nguồn gốc đất: - Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 107, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi: 292m2, loại đất: đất trồng cây hàng năm khác: Chủ sử dụng ông: Phạm Văn Ủy - Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích thu hồi đang thuộc thửa đất số 805, tờ bản đồ số 46, diện tích 291,7m2, loại đất trồng cây hàng năm khác, được UBND huyện Tam Đường cấp GCN QSDĐ tại số phát hành CB 490669, số cấp sổ CH 02267, cấp ngày 14/4/2016, chủ sử dụng ông Phạm Văn Ủy					
-	Tổng tiền bồi thường hỗ trợ (=a)					0
10	Bà: Nguyễn Thị Lan					
-	Địa chỉ: Bản Sân Bay, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu					
-	Số CCCD: 012195000385					
-	Số điện thoại: 0392 617 247					
-	Nguồn gốc đất: - Tại bản đồ thu hồi: Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 143, diện tích thu hồi: 1.349,2m2, loại đất: đất trồng cây hàng năm khác: Chủ sử dụng bà: Nguyễn Thị Lan - Theo hồ sơ địa chính: +) Một phần diện tích thu hồi đang thuộc thửa đất số 807, tờ bản đồ số 46, diện tích 1338m2, loại đất trồng cây hàng năm khác, được UBND huyện Tam Đường cấp GCN QSDĐ tại số phát hành CB 490339, cấp ngày 04/1/2016, chủ sử dụng bà: Nguyễn Thị Lan +) Phần diện tích 11,2m2, loại đất trồng cây hàng năm khác chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, hiện tại do bà Nguyễn Thị Lan sử dụng.					
-	Tổng tiền bồi thường hỗ trợ (=a)					0
12	UBND xã Bình Lư					
-	Địa chỉ: Bản Hô Ta, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu					
-	Nguồn gốc đất: - Theo bản đồ thu hồi : Tại đất thửa số 104, tờ bản đồ số 143, diện tích 1161,4m2, loại đất: nuôi trồng thủy sản, quy chủ cho UBND xã quản lý - Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích thu hồi 1161,4m2, loại đất: nuôi trồng thủy sản, đang thuộc UBND xã quản lý					
-	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (=a+b+c+d)					0